

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2025/DS-ST
Ngày 28-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đầu**
- Ông Đinh Minh Hoàng.**

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 13102024DS ngày 07/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: số A, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Chí T, sinh năm 1981, địa chỉ thường trú: **ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc Yến A, năm: 1981 (mặt)

Địa chỉ: E đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 12 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Chí T trình bày:

Ngày 14/12/2023 bà Nguyễn Thị Ánh H có cho bà Nguyễn Ngọc Yến A vay số tiền 1.496.000.000 đồng. Bà H và bà Yến A thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 (một) tháng kể từ ngày vay tiền. Đến thời hạn trả nợ vay, bà Nguyễn Thị Ánh H đã nhiều lần liên hệ, tìm gặp trực tiếp để yêu cầu bà Yến A trả nợ nhưng bà Yến A không trả nợ như cam kết, mà hứa hẹn nhiều lần và cố ý né tránh.

Bà H cam kết số tiền cho bà Nguyễn Ngọc Yến A vay là tiền riêng của bà H, không liên quan đến bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác. Bà H xác định bà không có mối quan hệ hôn nhân với bất kỳ cá nhân nào tại thời điểm cho vay đến nay.

Ngày 18/10/2024 bà Nguyễn Thị Ánh H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc Yến A trả số tiền 1.637.671.000. Trong đó, nợ gốc là 1.496.000.000 đồng, nợ lãi là **141.671.000** đồng (tạm tính đến ngày 15/10/2024).

Ngày 12/12/2024 bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc Yến A phải trả tổng số tiền là 1.520.833.600 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.496.000.000 đồng; nợ lãi chậm trả tính từ ngày 11/10/2024 đến ngày 11/12/2024: $1.496.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 02 \text{ tháng} = 24.833.600 \text{ đồng}$ (lãi suất 10%/năm). Và tiếp tục tính lãi từ ngày 12/12/2024 cho đến khi trả hết nợ. Bà Nguyễn Thị Ánh H không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Yến A phải trả tiền lãi trong hạn là 02%/tháng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có ông Trần Chí T là người đại diện theo ủy quyền gửi bản tự khai có nội dung giữ nguyên yêu cầu buộc bà Yến A trả nợ gốc 1.496.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả tính từ ngày 11/10/2024 (lãi suất 10%/năm) đến ngày xét xử sơ thẩm; ông Chí T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn **bà** Nguyễn Ngọc Yến A vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng vay tài sản hai bên đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp **đồng** vay tài sản.

Thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS) vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: bà Nguyễn Ngọc Yến Anh được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Nguyễn Ngọc Yến A1 mặt không lý do chính đáng; ông Trần Chí T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 14/12/2023 xác định bà Nguyễn Ngọc Yến A vay của bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền 1.496.000.000 đồng. Xét, nội dung giấy vay tiền Hội đồng xét xử nhận thấy bà H và bà A không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Bà Nguyễn Thị Ánh H cho rằng thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn 01 tháng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền giữa bà H và **bà** A là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS). Do hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi nên bà H có quyền đòi lại tài sản bất kỳ khi nào nhưng phải báo trước cho bà A một thời gian hợp lý. Ngày 10/9/2024 bà Nguyễn Thị Ánh H gửi thông báo về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Yến A trả tiền trong thời hạn 01 tháng nhưng bà A không trả nên bà H đã khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền đã vay. Xét thấy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 466 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà A trả tiền gốc là 1.496.000.000 đồng.

[3.2] Bà Nguyễn Thị Ánh H không yêu cầu bà A trả tiền lãi trong hạn, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về lãi chậm trả:

Như nhận định tại mục [3.1] bà H và bà A không thỏa thuận lãi suất nên mức lãi suất sẽ áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS với mức lãi suất là 10%/năm, vì vậy bà H yêu cầu bà A trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về thời gian tính lãi chậm trả: ngày 10/9/2024 là ngày bà H gửi thông báo trả tiền cho bà A, yêu cầu bà A trả tiền trong thời hạn 01 tháng, 01 tháng được tính là 30

ngày theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 146 BLDS, nên bắt đầu tính lãi chậm trả từ ngày 11/10/2024. Do đó, bà H yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 11/10/2024 đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp theo quy định của pháp luật và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả. Tiền lãi chậm trả được tính như sau: $1.496.000.000 \text{ đồng} * 10\%/năm * 05 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 69.676.712 \text{ đồng}$)

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh H được chấp nhận nên MERGEFIELD "XUNG_HÔ_THƯỜNG1" B2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh H theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ánh H không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của sNghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh H,

Buộc bà Nguyễn Ngọc Yến A trả cho bà Nguyễn Thị Ánh H1 số tiền tính đến ngày xét xử là: $1.565.676.712 \text{ đồng}$ (một tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Trong đó, nợ gốc: $1.496.000.000 \text{ đồng}$ (một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu đồng); nợ lãi: $69.676.712 \text{ đồng}$ (sáu mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng) phát sinh theo giấy vay tiền ngày 14/12/2023.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh H không yêu cầu bà A trả tiền lãi trong hạn, Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Ngọc Yến A, phải chịu **58.970.301 đồng** (**năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm lẻ một đồng**) án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Ánh H3 30.565.065 đồng (ba mươi triệu năm trăm sáu mươi **lăm** nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048270 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- THADS Q. Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm

